

Số: 1936 /2025/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở **Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS -Tháng 11/2025** như sau:

1. **Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 11/2025:**

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA		APG	AAA
2	ABT			ABT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADG			ADG
8	ADP			ADP
9	ADS			ADS
10	AGG			AGG
11	AGR			AGR
12	ANV			ANV
13	ASM			APG
14	AST			ASM
15	BAF			AST
16	BBC			BAF
17	BCM			BBC
18	BFC			BCM
19	BHN			BFC
20	BIC			BHN
21	BID			BIC
22	BKG			BID
23	BMC			BKG
24	BMI			BMC
25	BMP			BMI
26	BRC			BMP
27	BSI			BRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	BSR			BSI
29	BTP			BSR
30	BVH			BTP
31	BWE			BVH
32	CCL			BWE
33	CDC			CCL
34	CHP			CDC
35	CII			CHP
36	CKG			CII
37	CLC			CKG
38	CLL			CLC
39	CMG			CLL
40	CNG			CMG
41	CRC			CNG
42	CSM			CRC
43	CSV			CSM
44	CTD			CSV
45	CTF			CTD
46	CTG			CTF
47	CTI			CTG
48	CTR			CTI
49	CTS			CTR
50	CVT			CTS
51	D2D			CVT
52	DBC			D2D
53	DBD			DBC
54	DBT			DBD
55	DC4			DBT
56	DCL			DC4
57	DCM			DCL
58	DGC			DCM
59	DGW			DGC
60	DHA			DGW
61	DHC			DHA
62	DHG			DHC
63	DIG			DHG
64	DMC			DIG
65	DPG			DMC
66	DPM			DPG
67	DPR			DPM
68	DRC			DPR
69	DRL			DRC
70	DSE			DRL
71	DSN			DSE
72	DVP			DSN
73	DXG			DVP
74	DXS			DXG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
75	EIB			DXS
76	ELC			EIB
77	EVF			ELC
78	EVG			EVF
79	FCN			EVG
80	FIR			FCN
81	FIT			FIR
82	FMC			FIT
83	FPT			FMC
84	FRT			FPT
85	FTS			FRT
86	GAS			FTS
87	GDT			GAS
88	GEE			GDT
89	GEG			GEE
90	GEX			GEG
91	GMD			GEX
92	GSP			GMD
93	GVR			GSP
94	HAG			GVR
95	HAH			HAG
96	HAR			HAH
97	HAX			HAR
98	HCD			HAX
99	HCM			HCD
100	HDB			HCM
101	HDC			HDB
102	HDG			HDC
103	HHP			HDG
104	HHS			HHP
105	HHV			HHS
106	HII			HHV
107	HMC			HII
108	HPG			HMC
109	HPX			HPG
110	HQC			HPX
111	HSG			HQC
112	HSL			HSG
113	HT1			HSL
114	HTG			HT1
115	HTI			HTG
116	HTL			HTI
117	HTN			HTL
118	HUB			HTN
119	HVH			HUB
120	ICT			HVH
121	IDI			ICT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
122	IJC			IDI
123	ILB			IJC
124	IMP			ILB
125	ITC			IMP
126	KBC			ITC
127	KDC			KBC
128	KDH			KDC
129	KHG			KDH
130	KHP			KHG
131	KMR			KHP
132	KOS			KMR
133	KSB			KOS
134	LBM			KSB
135	LCG			LBM
136	LHG			LCG
137	LIX			LHG
138	LPB			LIX
139	LSS			LPB
140	MBB			LSS
141	MCM			MBB
142	MIG			MCM
143	MSB			MIG
144	MSH			MSB
145	MSN			MSH
146	MWG			MSN
147	NAB			MWG
148	NAF			NAB
149	NBB			NAF
150	NCT			NBB
151	NHA			NCT
152	NHH			NHA
153	NKG			NHH
154	NLG			NKG
155	NNC			NLG
156	NSC			NNC
157	NT2			NSC
158	NTL			NT2
159	OCB			NTL
160	OPC			OCB
161	ORS			OPC
162	PAC			ORS
163	PAN			PAC
164	PC1			PAN
165	PDN			PC1
166	PDR			PDN
167	PET			PDR
168	PGC			PET

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
169	PGD			PGC
170	PGI			PGD
171	PHC			PGI
172	PHR			PHC
173	PJT			PHR
174	PLP			PJT
175	PLX			PLP
176	PNJ			PLX
177	POW			PNJ
178	PPC			POW
179	PTB			PPC
180	PVD			PTB
181	PVP			PVD
182	PVT			PVP
183	QCG			PVT
184	RAL			QCG
185	REE			RAL
186	SAB			REE
187	SAM			SAB
188	SBA			SAM
189	SBT			SBA
190	SC5			SBT
191	SCR			SC5
192	SCS			SCR
193	SFC			SCS
194	SFI			SFC
195	SGN			SFI
196	SGR			SGN
197	SHB			SGR
198	SHI			SHB
199	SHP			SHI
200	SIP			SHP
201	SJD			SIP
202	SJS			SJD
203	SKG			SJS
204	SMB			SKG
205	SRC			SMB
206	SSB			SRC
207	SSC			SSB
208	SSI			SSC
209	ST8			SSI
210	STB			ST8
211	STG			STB
212	STK			STG
213	SVI			STK
214	SVT			SVI
215	SZC			SVT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
216	SZL			SZC
217	TBC			SZL
218	TCB			TBC
219	TCH			TCB
220	TCI			TCH
221	TCL			TCI
222	TCM			TCL
223	TCO			TCM
224	TCT			TCO
225	TDC			TCT
226	TDG			TDC
227	TDM			TDG
228	TDP			TDM
229	TEG			TDP
230	THG			TEG
231	TIP			THG
232	TLD			TIP
233	TLG			TLD
234	TMP			TLG
235	TMS			TMP
236	TNC			TMS
237	TNT			TNC
238	TPB			TNT
239	TRA			TPB
240	TRC			TRA
241	TTA			TRC
242	TV2			TTA
243	TVB			TV2
244	TVS			TVB
245	TYA			TVS
246	UIC			TYA
247	VCB			UIC
248	VCG			VCB
249	VCI			VCG
250	VDP			VCI
251	VDS			VDP
252	VFG			VDS
253	VGC			VFG
254	VHC			VGC
255	VHM			VHC
256	VIB			VHM
257	VIC			VIB
258	VIP			VIC
259	VIX			VIP
260	VJC			VIX
261	VND			VJC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
262	VNL			VND
263	VNM			VNL
264	VPB			VNM
265	VPI			VPB
266	VRC			VPI
267	VRE			VRC
268	VSC			VRE
269	VSI			VSC
270	VTP			VSI
271	YEG			VTP
272				YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 11/2025:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB		MST	BAB
2	BAX		NTH	BAX
3	BCF		VTZ	BCF
4	BVS			BVS
5	CAP			CAP
6	CDN			CDN
7	CEO			CEO
8	CLH			CLH
9	CSC			CSC
10	CTB			CTB
11	DHP			DHP
12	DHT			DHT
13	DP3			DP3
14	DTD			DTD
15	DVM			DVM
16	DXP			DXP
17	EID			EID
18	EVS			EVS
19	GIC			GIC
20	GMX			GMX
21	HAT			HAT
22	HCC			HCC
23	HGM			HGM
24	HJS			HJS
25	HLC			HLC
26	HMR			HMR
27	HUT			HUT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
28	HVT			HVT
29	IDC			IDC
30	IDV			IDV
31	INN			INN
32	IPA			IPA
33	L40			L40
34	LAS			LAS
35	LHC			LHC
36	LIG			LIG
37	MAC			MAC
38	MBG			MBG
39	MBS			MBS
40	MDC			MDC
41	MVB			MST
42	NAG			MVB
43	NBC			NAG
44	NDN			NBC
45	NET			NDN
46	NFC			NET
47	NTP			NFC
48	PBP			NTH
49	PCE			NTP
50	PCH			PBP
51	PGS			PCE
52	PLC			PCH
53	PMC			PGS
54	PMS			PLC
55	PPS			PMC
56	PPT			PMS
57	PRE			PPS
58	PSD			PPT
59	PSI			PRE
60	PSW			PSD
61	PVB			PSI
62	PVC			PSW
63	PVG			PVB
64	PVI			PVC
65	PVS			PVG
66	S55			PVI
67	S99			PVS
68	SD9			S55
69	SED			S99
70	SGC			SD9
71	SJE			SED
72	SLS			SGC
73	SZB			SJE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
74	TA9			SLS
75	TDT			SZB
76	TMB			TA9
77	TNG			TDT
78	TTT			TMB
79	TV4			TNG
80	TVC			TTT
81	TVD			TV4
82	VBC			TVC
83	VC3			TVD
84	VC7			VBC
85	VCS			VC3
86	VFS			VC7
87	VGS			VCS
88	VHE			VFS
89	VIF			VGS
90	VNC			VHE
91	VNF			VIF
92	VNR			VNC
93	WCS			VNF
94				VNR
95				VTZ
96				WCS

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 11/2025 là:

<https://www.shs.com.vn/thong-bao/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-112025>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Trân trọng kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



Trần Hồng Mây

Kiểm soát



Lê Thị Hoài Thu

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chí Thành